

Kết quả danh mục chỉ số VN30 Q1/2025

LỊCH CƠ CẤU DANH MỤC CÁC QUỸ ETF

Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
Quỹ DCVFM VN30 ETF, SSIAM VN30 ETF, MAFM VN30 ETF, KIM Growth VN30 ETF (VN30 Index)		
<ul style="list-style-type: none">NAV: 13.107,9 tỷ VNDNgày công bố: 20/01Ngày giao dịch: 21/01 - 31/01Kỳ đánh giá tiếp theo: 16/07 Ước tính: Top mua LPB, VJC, VNM, VIB, MSN Ước tính: Top bán FPT, VHM, POW		
Quỹ DCVFMVN DIAMOND ETF, MAFM VNDIAMOND ETF, BVFVN DIAMOND ETF, Kim Growth DIAMOND ETF, ABFVN DIAMOND ETF (VNDiamond Index)		
<ul style="list-style-type: none">NAV: 12.944,9 tỷ VNDKỳ đánh giá tiếp theo: 14/04 Link báo cáo kết quả danh mục		
Quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF, VFM VNMIDCAP ETF, Vina Capital VN100 ETF,... (6 quỹ)		
<ul style="list-style-type: none">NAV: 2.842,3 tỷ VNDNgày công bố: 20/01Ngày giao dịch: 21/01 - 31/01Kỳ đánh giá tiếp theo: 16/07		
Quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF (FTSE Vietnam 30 Index)		
<ul style="list-style-type: none">NAV: 15.042,8 tỷ VND		<ul style="list-style-type: none">Ngày công bố: 03/2025 Link báo cáo kết quả danh mục
Quỹ FTSE Vietnam ETF (FTSE Vietnam Index)		
<ul style="list-style-type: none">NAV: 6.530,1 tỷ VND		<ul style="list-style-type: none">Ngày công bố: 07/03Ngày giao dịch: 08/03 - 21/03Kỳ đánh giá tiếp theo: 06/06 Link báo cáo kết quả danh mục
Quỹ VanEck Vectors Vietnam ETF (MarketVector Vietnam Local Index)		
<ul style="list-style-type: none">NAV: 10.795,0 tỷ VND		<ul style="list-style-type: none">Ngày công bố: 14/03Ngày giao dịch: 15/03 - 21/03Kỳ đánh giá tiếp theo: 06/06 Link báo cáo kết quả danh mục

Kết quả danh mục chỉ số VN30 Q1/2025

KẾT QUẢ CHI TIẾT DANH MỤC VN30

- HOSE đã chính thức công bố kết quả thay đổi danh mục chỉ số VN30 vào ngày 20/01/2025. Chỉ số mới sẽ có hiệu lực từ ngày 03/02/2025. Do kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, các ETF tham chiếu chỉ số sẽ thực hiện tái cơ cấu hạn cuối là ngày 24/01/2025.
- Chỉ số VN30 **thêm cổ phiếu LPB và loại cổ phiếu POW**, điều này khớp với dự báo DSC chúng tôi.

TỔNG QUAN

Hiện có tổng cộng 5 quỹ ETF nội sử dụng chỉ số VN30 làm cơ sở với tổng quy mô tài sản hơn 13,015 tỷ đồng. Trong đó, DCVFMVN30 ETF là quỹ có quy mô lớn nhất với 6,494 tỷ đồng và hiệu suất đầu tư từ đầu năm 2024 tới nay đạt 11.91%.

Dòng vốn các quỹ ETF theo chỉ số VN30 (triệu VNĐ)

Tên quỹ ETF	Công ty quản lý quỹ	Tổng NAV (tr VNĐ)	Dòng vốn 1 tháng (tr VNĐ)	Dòng vốn 1 năm (tr VNĐ)
DCVFMVN30 ETF	Quản Lý Quỹ Dragon Capital Việt Nam	6.494.288,8	(221.042,9)	(2.149.109,3)
KIM ACE Vietnam VN30 ETF	Korea Investment Trust Mgmt Co.	3.874.333,3	(28.404,6)	(1.528.066,9)
KIM GROWTH VN30 ETF	Quản Lý Quỹ Kim Việt Nam	1.739.040,9	(0,0)	1.036.570,1
ETF MAFM VN30	Quản lý quỹ Mirae Asset Việ	740.061,9	153.878,5	185.708,5
ETF SSIAM VN30	Quản lý quỹ SSI	168.195,0	0,0	1.928,2

Nguồn: Fiinpro

KẾT QUẢ

Danh mục cổ phiếu thành phần chỉ số VN30 thêm LPB và loại POW.

Theo quy tắc quản lý bộ chỉ số HOSE-Index 3.1 và số liệu chốt ngày 31/12, cổ phiếu LPB đủ điều kiện vào danh mục (lọt Top 20 vốn hóa thị trường), đồng thời cổ phiếu POW bị loại khỏi VN30.

Danh mục cổ phiếu dự phòng của chỉ số VN30 bao gồm: DGC, EIB, PNJ, KSH và MSB

Đây là danh mục để thay thế trong trường hợp một hay nhiều cổ phiếu thành phần của chỉ số bị loại bỏ khỏi chỉ số vào giữa kỳ xem xét.

Hoạt động đáng chú ý của các quỹ ETF theo chỉ số VN30.

DSC ước tính các quỹ ETF sẽ mua vào đáng kể các cổ phiếu: LPB (18,6 triệu cp), VIB (2,6 triệu cp), VJC (1,6 triệu cp), VNM (1,4 triệu cp) và bán mạnh các cổ phiếu: VHM (3,5 triệu cp), POW (3,1 triệu cp), FPT (710 nghìn cp) trong đợt review.

Cập nhật thay đổi đáng chú ý của bộ chỉ số HOSE-Index 4.0

Ngày 30/12/2024, HOSE đã công bố bộ chỉ số mới thay thế Phiên bản 3.1. Quyết định này có hiệu lực sau 60 ngày kể từ ngày ký ban hành, đồng nghĩa sẽ áp dụng cho đợt cơ cấu tháng 7/2025. Ngoài các tiêu chí sàng lọc chặt chẽ hơn về lợi nhuận và thanh khoản, HOSE 4.0 bổ sung thêm điều kiện giới hạn tỷ trọng vốn hóa đối với cổ phiếu cùng nhóm ngành cấp 1 GICS là 40%. Điều này nhằm tăng tính đa dạng của danh mục khi số lượng cổ phiếu ngân hàng hiện tại là 14, chiếm 57% tỷ trọng danh mục VN30.

Kết quả danh mục chỉ số VN30 Q1/2025

CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CHỈ SỐ VN30 Q1/2025

STT	Mã	Giá	Số lượng CP lưu hành	Tỷ lệ free-float	Vốn hóa	Tỷ trọng mới
1	FPT	152.500	1.471.069.183	85%	224.338.050.407.500	10,0%
2	TCB	24.650	7.064.851.739	65%	174.148.595.366.350	7,9%
3	ACB	25.800	4.466.657.912	90%	115.239.774.129.600	7,2%
4	HPG	26.650	6.396.250.200	55%	170.460.067.830.000	6,6%
5	VPB	19.200	7.933.923.601	55%	152.331.333.139.200	6,4%
6	LPB	31.250	2.987.295.973	90%	93.352.999.156.250	5,7%
7	MWG	61.000	1.461.484.209	80%	89.150.536.749.000	5,2%
8	MBB	25.100	5.306.324.052	55%	133.188.733.705.200	4,8%
9	STB	36.900	1.885.215.716	100%	69.564.459.920.400	4,8%
10	HDB	25.500	3.495.060.732	75%	89.124.048.666.000	4,3%
11	VHM	40.000	4.107.412.004	35%	164.296.480.160.000	4,0%
12	VCB	91.200	5.589.091.262	11%	509.725.123.094.400	3,7%
13	VNM	63.400	2.089.955.445	40%	132.503.175.213.000	3,7%
14	VIC	40.550	3.823.661.561	30%	155.049.476.298.550	3,3%
15	MSN	70.000	1.438.351.617	45%	100.684.613.190.000	2,9%
16	SSI	26.050	1.961.872.450	70%	51.106.777.322.500	2,8%
17	SHB	10.250	3.662.412.356	85%	37.539.726.649.000	2,5%
18	SSB	16.750	2.835.000.000	65%	47.486.250.000.000	2,4%
19	VJC	100.000	541.611.334	55%	54.161.133.400.000	2,3%
20	CTG	37.800	5.369.991.748	15%	202.985.688.074.400	2,1%
21	VIB	19.700	2.979.127.815	50%	58.688.817.955.500	2,1%
22	TPB	16.650	2.641.956.196	50%	43.988.570.663.400	1,5%
23	VRE	17.150	2.272.318.410	40%	38.970.260.731.500	1,1%
24	BID	37.550	6.897.515.268	4%	259.001.698.313.400	0,8%
25	GAS	68.100	2.342.672.919	5%	159.536.025.783.900	0,6%
26	SAB	55.500	1.282.562.372	11%	71.182.211.646.000	0,5%
27	PLX	37.500	1.270.592.235	10%	47.647.208.812.500	0,3%
28	GVR	30.350	4.000.000.000	4%	121.400.000.000.000	0,3%
29	BVH	50.700	742.322.764	10%	37.635.764.134.800	0,3%
30	BCM	70.900	1.035.000.000	4%	73.381.500.000.000	0,2%
Tổng						100%

Nguồn: DSC ước tính

Kết quả danh mục chỉ số VN30 Q1/2025

ƯỚC TÍNH SỐ LƯỢNG MUA/BÁN CỔ PHIẾU CỦA CÁC QUỸ ETF THEO CHỈ SỐ VN30 Q1/2025

STT	Mã	Tỷ trọng mới	Tổng SLCP mua/bán 4 quý	Tổng giá trị giao dịch	Số phiên GD tương ứng (SLCP / KLGDTB 3 tháng)
1	LPB	6,4%	18.604.957	581.404.910.679	5,47
2	VJC	2,1%	1.573.883	157.388.300.000	2,07
3	VNM	3,7%	1.416.366	89.797.604.400	0,43
4	VIB	2,8%	2.631.981	51.850.029.672	0,47
5	MSN	3,7%	738.712	51.709.857.698	0,17
6	SSB	2,5%	224.679	3.763.371.948	0,11
7	HDB	4,3%	146.171	3.727.356.478	0,02
8	SAB	0,5%	45.005	2.497.783.912	0,06
9	BVH	0,3%	(13.901)	(704.759.668)	(0,03)
10	GAS	0,6%	(49.054)	(3.340.548.141)	(0,05)
11	GVR	0,3%	(115.746)	(3.512.895.274)	(0,03)
12	PLX	0,3%	(149.262)	(5.597.318.917)	(0,12)
13	VRE	1,1%	(338.479)	(5.804.909.775)	(0,04)
14	BID	0,8%	(195.638)	(7.346.195.081)	(0,10)
15	CTG	2,1%	(226.495)	(8.561.525.691)	(0,03)
16	TPB	1,5%	(522.988)	(8.707.753.988)	(0,05)
17	SHB	2,3%	(950.825)	(9.745.960.299)	(0,05)
18	SSI	2,4%	(413.405)	(10.769.200.270)	(0,03)
19	VIC	3,3%	(289.104)	(11.723.165.449)	(0,12)
20	MBB	5,2%	(523.734)	(13.145.726.392)	(0,04)
21	STB	4,8%	(404.946)	(14.942.523.621)	(0,03)
22	BCM	0,2%	(262.409)	(18.604.783.168)	(0,44)
23	HPG	6,6%	(1.023.834)	(27.285.170.707)	(0,05)
24	MWG	4,8%	(479.336)	(29.239.469.569)	(0,06)
25	VPB	5,7%	(1.533.620)	(29.445.503.466)	(0,10)
26	ACB	7,1%	(1.143.984)	(29.514.782.259)	(0,14)
27	TCB	7,9%	(1.215.857)	(29.970.877.045)	(0,12)
28	VCB	4,0%	(365.736)	(33.355.094.064)	(0,26)
29	FPT	10,0%	(709.254)	(108.161.223.580)	(0,20)
30	VHM	2,9%	(3.493.148)	(139.725.907.801)	(0,41)
	POW	0,0%	(3.095.708)	(37.148.497.474)	(0,45)
	Tổng	100,0%			

Nguồn: DSC ước tính

Kết quả danh mục chỉ số VN30 Q1/2025

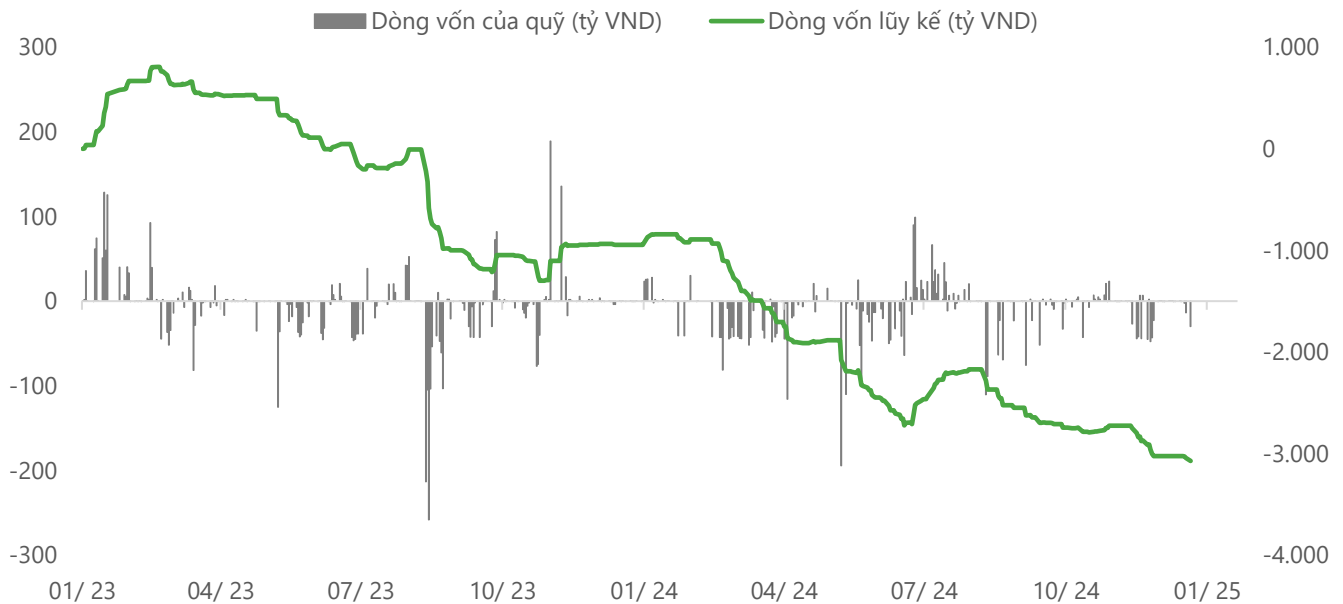
PHỤ LỤC

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ VN30 INDEX (HOSE-Index 4.0)

Tiêu chí	Cổ phiếu thuộc bộ chỉ số	Cổ phiếu không thuộc bộ chỉ số
Niêm yết	Không trong diện bị cảnh báo Niêm yết trên HOSE > 6 tháng hoặc >3 tháng với top 5 cổ phiếu vốn hóa lớn	
Tỷ lệ free-float	>= 10%	>= 10%
	Vốn hóa free-float >= 2.000 tỷ đồng	Vốn hóa free-float >= 2.500 tỷ đồng
Tỷ suất quay vòng	>= 0,04%	>= 0,05%
KLGD khớp lệnh	>= 300.000 cổ phiếu	
Giá trị giao dịch khớp lệnh	>= 30 tỷ đồng	>= 30 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	LNST <0: loại khỏi danh sách xem xét	
Vốn hóa	Theo thứ tự giảm dần	
Kỳ review	Theo quý	
Kỳ cơ cấu	Nửa năm (tháng 2, tháng 7)	

Nguồn: HSX, DSC tổng hợp

Dòng vốn quỹ DCFVN30 ETF (tỷ VNĐ)



Nguồn: Fünpro

Dự báo review danh mục chỉ số VN30 Q3/2024

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán DSC và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Liên hệ - Trung tâm phân tích DSC

Trương Thái Đạt,

GD. Trung tâm Phân tích
dat.tt@dsc.com.vn

Trần Thanh Vân

Chuyên viên Phân tích
van.tt@dsc.com.vn

HỘI SỞ CHÍNH

📍 Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội

☎️ (024) 3880 3456

✉️ info@dsc.com.vn